

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2020

V/v Ly hôn giữa chị L và anh N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hải

2. Ông Huỳnh Thanh Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tha gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2020/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Tuyết L, sinh năm 1983; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị Tuyết L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng 2003, do quen biết, tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến nhiều lần cự cãi nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nên chị L xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 02 con chung: Cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/03/2005 và cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 25/9/2013. Hiện các cháu đang chung sống với chị L. Chị L yêu cầu được giành quyền tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Tuyết L và anh Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/3/2005 và cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 25/9/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung; Nghĩa vụ chung: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị L và anh N được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị L và anh N là hợp pháp. Chị L xác định thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến nhiều lần cự cãi nhau dẫn đến sống ly thân. Khi sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị L nộp đơn khởi kiện, Tòa án thụ lý giải quyết

vụ án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh N vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, chị L cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh N, anh N tiếp tục vắng mặt không rõ. Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 16/4/2020 xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng thường hay cự cãi dẫn đến sống ly thân. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, chị L xin ly hôn với anh N là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung: Cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/3/2005 và cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 25/9/2013. Chị L yêu cầu được giành quyền nuôi các cháu cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc sống ly thân, các cháu đang sống ổn định bên chị L và đang học trường ở gần nhà. Hiện tại, chị L cũng có công việc, thu nhập ổn định và đã nuôi các cháu đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần. Mặt khác, các cháu đều có nguyện vọng được chung sống với chị L. Quá trình sống ly thân, anh N không quan tâm, chăm sóc, giáo dục con chung. Chính vì vậy, để ổn định sự phát triển bình thường về mặt tâm lý cho các cháu và thuận tiện trong việc chăm sóc nên cần thiết tiếp tục cho các cháu sống ổn định như ban đầu. Căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 02 cháu cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về chia tài sản chung; Nghĩa vụ chung*: Chị L xác định không có nhưng quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh N đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của anh N về tài sản chung và nghĩa vụ chung. Do đó, cần tách ra giải quyết thành một vụ kiện khác khi có tranh chấp.

[3] *Án phí*: Nguyên đơn chị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Võ Thị Tuyết L và anh Nguyễn Văn N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 22/3/2005 và cháu Nguyễn Văn P, sinh ngày 25/9/2013 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh N không ai

có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh N không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom đối với anh N.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về chia tài sản chung; Nghĩa vụ chung*: Tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Võ Thị Tuyết L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 012980 ngày 14 tháng 02 năm 2020 thành tiền án phí. Công nhận chị L đã nộp xong.

5. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn*.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Hưng
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng